

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST
Ngày: 20/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G - TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.
2. Bà Trần Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

Trần Thanh N (Tên gọi khác: Cà Ri), sinh năm 1982, tại tỉnh T Thới An B.

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T; chỗ ở: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn S và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Tạ Bích N, con: Tạ Thanh Q; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Đại diện bị hại:

- Nguyễn Thị L, sinh năm 1939 (là mẹ ruột bị hại);

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

- Ngô Thị Trúc L, sinh năm 1984 (là vợ bị hại);

Địa chỉ: ấp 5, xã T huyện T, tỉnh B.

- Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2000 (là con ruột bị hại);

- Nguyễn Văn Thanh S, sinh năm 2005 (là con ruột bị hại);

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

Người qó quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Phước Đ, sinh năm 2002 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 45 phút ngày 06/5/2022, sau khi có uống bia cùng nhau, bị cáo N điều khiển xe mô tô 63B5-469.63 là xe của vợ chồng bị cáo chở bị hại Nguyễn Văn H từ nhà bị cáo về nhà bị hại H. Khi đang lưu thông trên Quốc lộ 50 đoạn thuộc ấp B, xã N thì bị cáo dừng lại đi vệ sinh, sau đó bị cáo giao xe cho bị hại H điều khiển chở bị cáo đi trên Quốc lộ 50 hướng từ G đi C, khi đến địa điểm thuộc ấp T, xã N, huyện G thì va chạm với anh Nguyễn Phước Đ điều khiển cùng chiều phía trước đang có chiều hướng qua trái đường gây ra tai nạn, hậu quả bị hại Nguyễn Văn H chết tại chỗ, anh Đ và bị cáo N bị thương nhẹ, hư hỏng hai xe.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn tương đối bằng phẳng, được trải nhựa, chiều rộng mặt đường là 11m, có vạch kẻ đường màu vàng ở giữa đường, chia đoạn đường thành hai chiều lưu thông riêng biệt, mỗi chiều lưu thông rộng 5,5m, làn đường trong cùng mỗi bên rộng 2 mét, đoạn đường có tầm nhìn xa không hạn chế. Chọn mép đường bên phải hướng đi từ thị xã G đi thành phố M làm mép đường chuẩn. Tâm vùng va chạm cách mép đường chuẩn là 4,4m.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô hai bánh 63B5 – 469.63: Dấu vết trên phương tiện: Trầy xước mất sơn ốp nhựa cánh yếm bên trái. Trầy xước đầu tay thắng bên trái. Trầy xước cần gương chiếu hậu bên trái. Trầy xước đầu tay lái bên trái. Trầy xước ốp bảo vệ lọc gió. Trượt xước mất sơn ốp nhựa thân xe bên phải, cách đất 0,28m. Kỹ thuật an toàn phương tiện: Hệ thống phanh trước, sau; hệ thống đèn tín hiệu; hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống còi còn hoạt động

Kết quả khám nghiệm xe máy 63AS-012.42: Dấu vết trên phương tiện: Trượt xước ốp kính đèn tín hiệu bên trái. Trượt xước mất sơn ốp nhựa đầu xe bên trái. Mất mặt gương chiếu hậu bên trái. Bong tróc ốp cao su đầu tay cầm bên trái. Bong tróc ốp cao su gát chân trước bên trái. Bong tróc ốp cao su gát chân sau bên trái, cách đất 0,4m. Trầy xước cần sau bên trái. Gãy rời biển số. Hở ốp nhựa cánh yếm bên trái. Kỹ thuật an toàn phương tiện: Hệ thống phanh trước, sau; hệ thống đèn tín hiệu; hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống còi còn hoạt động.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 55/PY-PC09 ngày 24/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh T kết luận: “nạn nhân Nguyễn Văn H dấu hiệu chính qua giám định: Vùng đầu, tay chân có các vết sây sát và bầm tím da không liên tục. mũi, miệng có dịch hồng. Ổng tai có máu. Bầm tụ máu tổ chức dưới da đầu vùng chẩm trái. Bầm tụ máu cơ thái dương trái và nứt xương thái dương trái. Tụ máu dưới nhện rải rác hai bán cầu đại não, tiểu não, hành não và cầu não. Nứt xương đá hai bên. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não.”

Căn cứ vào kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu: của bị cáo Trần Thanh N là 171mg/dl, của bị hại Nguyễn Văn Hồng là 284mg/dl.

Căn cứ vào kết quả trích xuất camera tại hiện trường: khu vực hiện trường tai nạn không có camera được lắp đặt, ghi nhận dữ liệu điện tử có liên quan đến tai nạn.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL- HĐĐGTTHS ngày 31/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G giá trị thiệt hại của xe mô tô hai bánh biển số 63B5-469.63 là: 17.465.856 đồng, giá trị thiệt hại của xe gắn máy biển số 63AS-012.42 là: 580.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Xe gắn máy biển số 63AS-012.42 và giấy đăng ký xe gắn máy biển số 63AS-012.42, số: 033229 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Phước Đ. Nên cơ quan CSĐT công an huyện G trả lại tài sản, giấy tờ trên cho anh Nguyễn Phước Đ. Xe mô tô hai bánh biển số 63B5-469.63, giấy đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 63B5-469.63, số: 038013 là tài sản chung của chị Tạ Bích N và bị cáo Trần Thanh N. Nên cơ quan CSĐT công an huyện G trả lại tài sản, giấy tờ trên cho người đứng tên chủ xe là chị Tạ Bích N.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là đúng theo nội dung vụ án nêu trên.

Đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKSGCT ngày 23/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Trần Thanh N về “*Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố và tranh luận; đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị áp dụng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thanh N từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên không phải nộp án phí.

Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo nói lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước Đ vắng mặt. Tuy nhiên, anh Đ có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt anh Đ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh N đã khai nhận tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 21 giờ 50 phút, ngày 06/5/2022, bị cáo Trần Thanh N biết rõ anh Nguyễn Văn H đã có uống rượu bia mà vẫn giao xe mô tô biển số 63B5-469.93 cho anh Nguyễn Văn H điều khiển dẫn đến gây tai nạn, hậu quả anh H chết do chấn thương sọ não.

Hành vi của bị cáo Trần Thanh N đã vi phạm quy định tại khoản 10 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. cụ thể: Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm: ... 8. Điều khiển xe ô tô..... hơi thở có nồng độ cồn. Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100mililit máu hoặc 0,25 miligam/1lít khí thở. 10. Giao xe cơ giới.....cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông. Điều 35. Sửa đổi, bổ sung quy định của một số luật khác: 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 như sau:..... “ 8. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thanh N đã phạm vào: “Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 264 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào lời khai của bị cáo và những người liên quan cho thấy: Bản thân bị cáo N sau khi uống rượu đã không còn tỉnh táo nhưng vẫn điều khiển xe đưa anh H về nhà, đi được một lúc cả hai dừng xe đi vệ sinh, sau đó anh H lên xe chở bị cáo đi về thì xảy ra tai nạn, bị cáo N là người ngồi ở vị trí đằng sau anh H, việc anh H ngồi lên xe mô tô để điều khiển là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nhưng bị cáo N cũng nhận biết và đồng ý cho anh H điều khiển xe mô tô của mình như vậy là ngầm hiểu bị cáo N đã giao xe mô tô thuộc sở hữu của mình cho anh H điều khiển. Khi anh H điều khiển xe thì bị cáo biết anh H đã cùng uống rượu với bị cáo. Như vậy, bị cáo N vẫn giao xe mô tô cho người không đủ điều kiện điều khiển, gián tiếp gây hậu quả cho anh H. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, gây ảnh hưởng đến tính mạng của người khác mà còn gây ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, xét hậu quả xảy ra là lỗi vô ý, hậu quả không phải do bị cáo trực tiếp gây ra. Do đó, khi lượng hình cũng cần xem xét yếu tố này để cân nhắc,

áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường một phần cho bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

[4]. Về khấu trừ một phần thu nhập và lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ: Xét bị cáo thuộc diện hộ nghèo, làm thuê và cũng phụ giúp gia đình làm nông. Do vậy, không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập và lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ là hợp lý.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Xe gắn máy biển số 63AS-012.42 và giấy đăng ký xe gắn máy biển số 63AS-012.42 và xe mô tô hai bánh biển số 63B5-469.63, giấy đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 63B5-469.63, số: 038013. Quá trình điều tra vụ án xác định là tài sản hợp pháp của anh Đ và chị N cùng bị cáo nên Cơ quan CSĐT công an huyện Gò Công Tây đã giao trả chiếc xe trên cho anh Đ và chị N là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Bùi Văn T không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Nguyễn Phước Đ có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nhân được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm do thuộc diện hộ nghèo.

[8]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 264, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Trần Thanh N phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã L, huyện G, tỉnh T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện G, tỉnh T để giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã L, huyện G, tỉnh T trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

2. Về khấu trừ một phần thu nhập và lao động phục vụ công đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ: Không áp dụng.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Thanh N không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tổng đạt được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA huyện G;
- Nhà tạm giữ CA huyện G (hoặc nơi giam giữ bị cáo);
- Chi cục THADS huyện G
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Người bào chữa (nếu có);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kiều Oanh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA huyện Gò Công Tây;
- Nhà tạm giữ CA huyện Gò Công Tây (hoặc nơi giam giữ bị cáo);
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Người bào chữa (nếu có);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kiều Oanh